



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và
các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty và Tập đoàn trong giai đoạn và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Andy Ho	Thành viên
Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên	
Ban Giám đốc	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0900189284 ngày 22 tháng 11 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 1 cho báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 968.529 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 530.148 triệu VND).

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty và Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:


- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc 



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2013



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("Công ty") và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 60. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu giới hạn ở việc phỏng vấn cán bộ của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các số liệu tài chính. Do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn so với một cuộc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện một cuộc kiểm toán và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-02-035-2013-1



Wang Foon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2013

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		10.883.282.075.665	10.220.788.345.768
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.385.641.109.292	1.294.493.700.487
Tiền	111		215.639.630.125	171.268.004.046
Các khoản tương đương tiền	112		1.170.001.479.167	1.123.225.696.441
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13	167.413.612.457	219.951.513.600
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	1.525.711.381.918	1.646.343.637.635
Phải thu khách hàng	131		946.750.819.132	1.150.508.510.152
Trả trước cho người bán	132		438.646.071.883	381.695.830.668
Phải thu khác	135		318.021.694.217	292.729.021.071
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(177.707.203.314)	(178.589.724.256)
Hàng tồn kho	140	7	7.495.545.273.158	6.822.077.238.740
Hàng tồn kho	141		7.547.546.684.618	6.847.996.509.051
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(52.001.411.460)	(25.919.270.311)
Tài sản ngắn hạn khác	150		308.970.698.840	237.922.255.306
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		35.126.310.826	37.412.808.587
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		205.626.788.229	141.403.013.965
Thuế và các khoản khác phải thu				
Ngân sách Nhà nước	154	8	39.907.321.280	32.413.440.414
Tài sản ngắn hạn khác	158		28.310.278.505	26.692.992.340

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		10.269.221.212.044	8.794.975.115.778
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	449.337.970.844	448.979.590.000
Phải thu dài hạn khác	218		449.337.970.844	448.979.590.000
Tài sản cố định	220		8.583.948.703.425	7.007.089.647.235
Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.149.164.074.442	4.295.767.594.850
<i>Nguyên giá</i>	222		6.633.100.134.207	6.529.948.378.267
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.483.936.059.765)	(2.234.180.783.417)
Tài sản cố định vô hình	227	10	190.934.751.963	166.217.334.650
<i>Nguyên giá</i>	228		215.254.122.100	188.296.995.886
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(24.319.370.137)	(22.079.661.236)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	4.243.849.877.020	2.545.104.717.735
Bất động sản đầu tư	240	12	64.237.803.200	66.519.066.085
<i>Nguyên giá</i>	241		88.066.912.353	88.066.912.353
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(23.829.109.153)	(21.547.846.268)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	25.385.022.226	26.218.497.620
Đầu tư vào công ty liên kết	252		5.775.893.861	5.809.369.255
Đầu tư dài hạn khác	258		19.609.128.365	20.409.128.365
Tài sản dài hạn khác	260		1.146.311.712.349	1.246.168.314.838
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	313.435.172.652	327.676.686.308
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	48.282.116.840	47.988.208.522
Tài sản dài hạn khác	268		80.529.000	18.426.347.344
Lợi thế thương mại	269	16	784.513.893.857	852.077.072.664
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		21.152.503.287.709	19.015.763.461.546

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		11.589.078.733.834	10.438.205.916.396
Nợ ngắn hạn	310		9.013.227.642.019	7.362.009.487.292
Vay ngắn hạn	311	17	4.214.175.488.425	4.850.248.888.636
Phải trả người bán	312		1.855.702.474.356	1.520.631.891.532
Người mua trả tiền trước	313		51.996.906.849	187.595.273.309
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	18	334.862.090.141	209.932.737.460
Phải trả người lao động	315		68.501.925.778	95.436.269.206
Chi phí phải trả	316	19	137.948.642.338	332.804.558.333
Phải trả khác	319	20	2.314.828.705.033	105.794.771.676
Dự phòng	320	21	10.474.319.656	11.211.707.436
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		24.737.089.443	48.353.389.704
Vay và nợ dài hạn	330		2.575.851.091.815	3.076.196.429.104
Phải trả khác	333	20	473.521.737.559	1.620.487.869.471
Vay và nợ dài hạn	334	22	2.102.278.038.608	1.455.708.545.840
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		51.315.648	13.793
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		9.028.295.607.495	8.085.135.114.809
Vốn chủ sở hữu	410	23	9.028.295.607.495	8.085.135.114.809
Vốn cổ phần	411	24	4.190.525.330.000	4.190.525.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	2.207.350.817.068	2.207.350.817.068
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	23	(1.620.010.073)	4.421.231.105
Quỹ dự phòng tài chính	418	23,25	290.146.605.696	290.114.305.696
Lợi nhuận chưa phân phối	420	23	2.341.892.864.804	1.392.723.430.940
LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIẾU SỐ	439		535.128.946.380	492.422.430.341
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 +439)	440		21.152.503.287.709	19.015.763.461.546

Người lập:

Lý Thị Ngan
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

15 -08- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Tổng doanh thu	01	26	8.410.386.456.661	8.750.212.830.726
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	131.222.471.202	149.963.819.678
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		8.279.163.985.459	8.600.249.011.048
Giá vốn hàng bán	11	27	6.751.766.258.512	7.370.216.096.045
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.527.397.726.947	1.230.032.915.003
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	202.258.579.147	62.237.183.220
Chi phí tài chính	22	29	267.959.926.737	376.887.175.696
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		159.074.925.535	330.121.445.223
Chi phí bán hàng	24		94.248.723.193	86.076.866.909
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		191.968.163.843	182.446.622.193
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		1.175.479.492.321	646.859.433.425
Thu nhập khác	31	30	69.776.090.778	83.487.704.999
Chi phí khác	32	31	73.674.144.994	94.876.823.649
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(3.898.054.216)	(11.389.118.650)
Lỗ từ các công ty liên kết	41	13	(33.475.394)	(324.010.742)
Lợi nhuận trước thuế TNDN (50 = 30 + 40 + 41)	50		1.171.547.962.711	635.146.304.033
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	159.129.532.473	108.815.566.798
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(242.606.463)	(16.544.843.202)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.012.661.036.701	542.875.580.437
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		44.132.401.987	12.728.068.540
Chủ sở hữu của Công ty	62		968.528.634.714	530.147.511.897
				Đã điều chỉnh lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.311	1.313

Người lập:

[Signature]

Lý Thị Ngân
Kế toán trưởng

15-08-2013



Người duyệt:

[Signature]
Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.171.547.962.711	635.146.304.033
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và khấu trừ	02		305.246.059.504	302.936.166.572
Phân bổ lợi thế thương mại	02		63.366.905.907	63.652.245.457
Các khoản dự phòng	03		29.735.963.382	(61.758.457.987)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		25.991.090.789	20.560.872.101
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(149.600.999.792)	(39.782.932.012)
Chi phí lãi vay	06		159.074.925.535	330.121.445.223
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.605.361.908.036	1.250.875.643.387
Biến động các khoản phải thu và phải thu khác	09		263.922.808.813	59.431.118.724
Biến động hàng tồn kho	10		(700.596.527.413)	(521.583.228.040)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.116.456.794.096	597.385.860.007
Biến động chi phí trả trước	12		32.853.316.646	(5.735.581.150)
			2.317.998.300.178	1.380.373.812.928
Tiền lãi vay đã trả	13		(244.956.882.728)	(240.520.085.110)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(141.644.047.407)	(186.036.231.358)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		20.322.548.858	2.573.095.190
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(53.542.316.213)	(70.120.557.098)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.898.177.602.688	886.270.034.552
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.012.492.526.624)	(579.240.814.546)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		7.968.335.355	26.366.834.038
Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		53.337.901.143	800.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(7.389.600.000)	(1.200.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		116.266.905.518	300.709.000.000
Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi	27		42.515.458.439	34.085.614.268
Tiền chi mua cổ phần của một công ty con cấp 1 và một công ty con cấp 2	28		-	(289.981.860.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.799.793.526.169)	(508.461.226.240)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
		30/6/2013 VND	30/6/2012 VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông thiểu số	31	20.000.000	-
Tiền thu từ bán ra cổ phiếu quỹ	31	-	75.601.431.493
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	8.889.280.334.853	8.530.341.577.100
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.895.283.696.797)	(9.202.376.656.676)
Tiền trả cổ tức cho các cổ đông thiểu số	36	(1.467.586.741)	(3.519.663.308)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.450.948.685)	(599.953.311.391)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	90.933.127.834	(222.144.503.079)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.294.493.700.487	1.064.384.090.542
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	214.280.971	(46.776.182)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	1.385.641.109.292	842.192.811.281

Người lập

[Signature]

Lý Thị Ngạn
Kế toán trưởng



Người duyệt:
Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

15 -08- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09a – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình và trường học;
- Sản xuất và chế biến gỗ;
- Sản xuất sản phẩm cơ khí (chủ yếu là máy móc xây dựng, bàn ghế và tủ văn phòng);
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện;
- Buôn bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải và khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, các thiết bị y tế và quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại và sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép, đúc gang và sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ ống inox;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu và chuyên giao vận động viên);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sân thi đấu thể thao; và
- Ủy thác xuất – nhập khẩu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam. Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT	Công ty con cấp 1	Hoạt động chính	30/6/2013	31/12/2012	Lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn
1	Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa.	99,72%	99,72%	99,72%
2	Công ty CP Nội thất Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất.	99,60%	99,60%	99,60%
3	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,89%	99,86%	99,86%
4	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	99,67%	99,67%	99,67%
5	Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng; đầu tư và xây dựng bộ hạ tầng kỹ thuật.	99,67%	99,67%	99,67%
6	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Buôn bán và xuất nhập khẩu sắt thép các loại, vật liệu xây dựng, đồ nội thất, máy điều hòa, máy giặt, tủ lạnh.	99,00%	99,00%	99,00%
7	Công ty CP Thép Hòa Phát	Sản xuất thép, gang, khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than non; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và sản xuất, mua bán than cốc.	88,00%	85,00%	85,00%
8	Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt.	99,96%	99,95%	99,95%
9	Công ty CP Golden Gain Việt Nam	Kinh doanh bất động sản.	84,95%	84,95%	84,95%
10	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than luyện cốc và than các loại.	99,89%	99,89%	99,89%
11	Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	100%	100%
12	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát	Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt, bô xít, các kim loại quý hiếm; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất than cốc, thạch cao, vôi, kim loại màu và kim loại quý; đúc sắt thép và kim loại màu.	99,80%	99,80%	99,80%

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Lợi ích và
quyền biểu quyết gián tiếp
của Tập đoàn

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	30/6/2013	31/12/2012
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát</i>			
1	Công ty TNHH Chế tạo Máy xây dựng và Khai thác mỏ Hòa Phát	Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và khai thác mỏ; sản xuất động cơ, tua bin.	99,72%	99,72%
2	Công Ty TNHH Chế tạo cơ khí Hòa Phát	Sửa chữa và sản xuất các sản phẩm cơ khí; dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện.	99,62%	99,62%
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</i>			
3	Công ty TNHH Thép Cán nguội Hòa Phát	Sản xuất sản phẩm thép cán nguội.	99,89%	99,86%
4	Công ty TNHH Một thành viên Ống thép Hòa Phát Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,89%	99,86%
	<i>Công ty con của Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</i>			
5	Công ty Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Phố Nối A	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước và nhà hàng.	99,67%	99,67%
6	Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước.	99,67%	99,67%
7	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	Hoạt động thể thao, giải trí, tennis, cầu lông, bida, bơi, thể dục thể hình, games, bất động sản.	94,96%	94,96%
8	Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải khách liên tỉnh bằng ô tô, sửa chữa máy móc, thiết bị, dịch vụ lưu hành nội địa, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ đại lý vận tải và dịch vụ trông giữ xe ô tô, văn phòng, kho bãi và bất động sản.	99,57%	99,57%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Lợi ích và
 quyền biểu quyết gián tiếp
 của Tập đoàn

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	30/6/2013	31/12/2012
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên thép Hòa Phát</i>			
9	Công ty TNHH Một thành viên Hòa Phát Bình Định	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	100%
	<i>Công ty con của Công ty con của Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát</i>			
10	Công ty CP Khoáng sản Hòa Yên	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại và bán buôn máy móc.	99,57%	99,57%
11	Công ty CP Khoáng sản Đức Long	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	99,78%	99,75%
12	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	63,37%	63,37%
13	Công Ty TNHH Đức Tiên	Tìm kiếm và thăm dò quặng đồng đỏ, vàng, bạc và các quặng cộng sinh.	-	99,80%

Lợi ích và
 quyền biểu quyết
 của Tập đoàn
 30/6/2013 31/12/2012

STT Công ty liên kết Hoạt động chính

1	Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát – SSG	Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt không chứa sắt; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; và sản xuất than cốc, vôi, thạch cao.	38%	38%
2	Công ty CP Đầu tư Khai thác Khoáng Sản Yên Phú	Khai thác mỏ và quặng sắt; sản xuất than cốc; sản xuất sắt, thép, gang và khai thác và thu gom than non, than bùn và quặng bô xít.	50%	50%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tập đoàn có 9.201 nhân viên (31/12/2012: 8.084 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2.2 Cơ sở đánh giá

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

3.1 Cơ sở hợp nhất

(a) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(b) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(c) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(d) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

3.2 Ngoại tệ

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty, thì được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi các công ty con bắt đầu hoạt động và tài sản cố định hữu hình hoàn thành đưa vào sử dụng. Khi các công ty con bắt đầu hoạt động và tài sản cố định hữu hình hoàn thành đưa vào sử dụng, các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan được kết chuyển vào Tài khoản Chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

(b) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí trực tiếp khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

3.7 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 12 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	3 – 10 năm

3.8 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Đối với quyền sử dụng đất với thời hạn xác định, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 15 đến 46 năm. Khấu hao không được trích cho những quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 6 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

3.9 Bất động sản đầu tư

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 3 – 49 năm

3.10 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

3.11 Chi phí trả trước dài hạn

(a) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(b) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ hai đến ba năm.

(c) Chi phí đại tu, sửa chữa lớn

Chi phí đại tu, sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong thời gian từ hai đến ba năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(d) *Chênh lệch tỷ giá*

Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện trong giai đoạn trước hoạt động của một số công ty con của Công ty được ghi nhận trên tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi các công ty con này bắt đầu đi vào hoạt động. Tại thời điểm đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trước hoạt động được chuyển sang tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong năm năm.

(e) *Chi phí thăm dò và đánh giá*

Các hoạt động thăm dò và đánh giá liên quan đến việc tìm kiếm nguồn tài nguyên, xác định tính khả thi về kỹ thuật và đánh giá tính khả thi về thương mại của nguồn tài nguyên đã được xác định.

Chi phí thăm dò và đánh giá được vốn hóa cho đến khi Tập đoàn vẫn còn có quyền được hoạt động trong khu vực lợi ích và các hoạt động thăm dò chủ yếu trên khu vực lợi ích vẫn được tiếp tục. Chi phí thăm dò và đánh giá không thỏa mãn điều kiện trên sẽ được xóa sổ trong năm chi phí đó phát sinh, ngoại trừ trường hợp sau:

Tại thời điểm mà các thủ tục thăm dò và đánh giá được tiến hành đủ để xác định sự tồn tại của các nguồn tài nguyên mang tiềm năng kinh tế:

- Các chi phí thăm dò và đánh giá dự kiến thu lại được qua quá trình triển khai và khai thác hiệu quả trong khu vực được vốn hóa cho đến khi bắt đầu tiến hành các hoạt động kinh doanh và sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong suốt thời gian hoạt động của dự án.
- Các chi phí thăm dò và đánh giá liên quan tới các thủ tục thăm dò và đánh giá xác định rằng không tồn tại nguồn tài nguyên có trữ lượng có thể thu hồi lại hiệu quả kinh tế sẽ được xóa sổ.

(f) *Chi phí đất trả trước*

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(g) *Chi phí giải phóng mặt bằng*

Chi phí giải phóng mặt bằng phản ánh chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Tập đoàn chi trả. Các chi phí này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

(h) *Chi phí phát hành trái phiếu*

Chi phí phát hành trái phiếu phản ánh chi phí phát sinh liên quan đến phát hành trái phiếu. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

(i) *Chi phí xây và nâng cấp đường lên mỏ*

Chi phí này bao gồm chi phí xây và nâng cấp đường lên mỏ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp khấu hao theo sản lượng thực tế sản xuất trên tổng sản lượng đăng ký của từng mỏ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

3.12 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Nếu giá trị hợp lý tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận là lợi thế thương mại và phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

3.14 Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

3.15 Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(a) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(b) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.17 Doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(b) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(c) Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(d) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(e) Doanh thu bán căn hộ

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

3.18 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Ưu đãi thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như một phần của tổng chi phí thuê hoạt động.

3.19 Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

3.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

3.21 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

3.22 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông của Công ty, các công ty liên kết của Tập đoàn và các bên khác như được định nghĩa trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam.

4. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất thép các loại: luyện gang thép, đúc gang, sắt, thép, buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép, sản xuất thép công nghiệp, bao gồm thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội, thép ống hàn, phế liệu và phôi thép, sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép, sản xuất máy rút thép sợi;
- Kinh doanh máy móc xây dựng: sản xuất thiết bị xây dựng và kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng, và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa;
- Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh: sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất và các sản phẩm điện lạnh;
- Bất động sản: xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng, và đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật; và
- Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản: Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt, sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng, sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế, sản xuất, truyền tải, phân phối điện, bán buôn kim loại và quặng kim loại, và buôn bán than luyện cốc và than các loại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày							
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	6.884.868.341.600	109.723.458.031	954.270.317.347	56.307.125.049	273.994.743.432	-	8.279.163.985.459
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	3.124.948.105.381	67.736.924.330	34.111.086.021	4.049.804.895	1.116.918.995.079	(4.347.764.915.706)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	10.009.816.446.981	177.460.382.361	988.381.403.368	60.356.929.944	1.390.913.738.511	(4.347.764.915.706)	8.279.163.985.459
Lợi nhuận gộp của bộ phận	936.520.755.949	43.925.783.281	217.079.024.135	31.858.271.301	393.345.864.428	(95.331.972.147)	1.527.397.726.947
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	1.146.557.840.433	22.771.521.413	143.571.824.410	22.991.109.813	357.932.496.983	(518.345.300.731)	1.175.479.492.321
Thu nhập khác	79.231.628.564	1.009.039.282	3.091.335.310	1.920.420.510	1.988.944.192	(17.465.277.080)	69.776.090.778
Chi phí khác	(68.881.784.213)	(59.064.933)	(1.278.226.218)	(1.322.135.988)	(2.132.933.642)	-	(73.674.144.994)
Phân chia lỗ của các công ty liên kết	(33.475.394)	-	-	-	-	-	(33.475.394)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(71.460.626.247)	(4.166.480.670)	(32.648.245.061)	(7.332.458.006)	(43.521.722.489)	-	(159.129.532.473)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	1.574.453.869	-	(764.839.026)	631.623.415	(46.264.825)	(1.152.366.970)	242.606.463
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.086.988.037.012	19.555.015.092	111.971.849.415	16.888.559.744	314.220.520.219	(536.962.944.781)	1.012.661.036.701

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a -- DN/HN

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Khoản đầu tư vào công ty liên kết	19.805.839.004.944 5.775.893.861	303.053.501.099 -	1.098.366.807.652 -	3.714.963.740.770 -	4.158.045.562.237 -	(7.933.541.222.854) -	21.146.727.393.848 5.775.893.861
Tổng tài sản	19.811.614.898.805	303.053.501.099	1.098.366.807.652	3.714.963.740.770	4.158.045.562.237	(7.933.541.222.854)	21.152.503.287.709
Nợ phải trả của bộ phận	7.488.269.279.900	85.573.980.828	551.314.383.186	2.809.101.710.380	1.888.200.546.347	(1.233.381.166.807)	11.589.078.733.834
Tổng nợ phải trả	7.488.269.279.900	85.573.980.828	551.314.383.186	2.809.101.710.380	1.888.200.546.347	(1.233.381.166.807)	11.589.078.733.834
Chỉ tiêu vốn Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và bất động sản đầu tư Khấu hao tài sản cố định vô hình	1.614.375.502.881 (174.563.886.923) (1.013.898.402)	379.953.937 (7.383.721.449) (471.283.824)	23.338.527.653 (34.241.059.331) (1.089.119.248)	223.310.909 (5.416.691.356) -	382.659.316.354 (83.568.156.458) (115.563.437)	(8.484.085.110) 2.462.915.742 154.405.182	2.012.492.526.624 (302.710.599.775) (2.535.459.729)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày							
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	6.700.877.568.827	113.639.466.132	845.381.152.032	381.184.019.730	559.166.804.327	-	8.600.249.011.048
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	3.567.377.962.621	34.924.247.605	78.940.345.279	4.197.884.201	858.430.228.876	(4.543.870.668.582)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	10.268.255.531.448	148.563.713.737	924.321.497.311	385.381.903.931	1.417.597.033.203	(4.543.870.668.582)	8.600.249.011.048
Lợi nhuận gộp của bộ phận	633.441.729.660	37.936.785.655	179.681.988.615	125.047.529.738	233.105.019.491	20.819.861.843	1.230.032.915.002
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	718.845.221.174	17.116.264.779	97.709.094.904	121.675.180.707	109.225.942.456	(417.712.270.595)	646.859.433.425
Thu nhập khác	57.037.122.791	18.375.058.612	9.912.250.651	3.383.717.567	8.085.458.726	(13.305.903.348)	83.487.704.999
Chi phí khác	(64.680.018.083)	(13.655.537.894)	(7.786.990.253)	(1.901.954.564)	(9.294.296.327)	2.441.973.472	(94.876.823.649)
Phần lỗ của công ty liên kết	-	-	-	-	-	(324.010.742)	(324.010.742)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(45.523.111.318)	(4.226.710.499)	(23.304.322.172)	(29.376.433.616)	(6.384.989.193)	-	(108.815.566.798)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	3.972.389.452	57.328.921	555.629.494	(340.695.681)	3.818.934.123	8.481.256.893	16.544.843.202
Lợi nhuận thuần sau thuế	669.651.604.016	17.666.403.919	77.085.662.624	93.439.814.413	105.451.049.785	(420.418.954.320)	542.875.580.437

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò Khai thác khoáng sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Khoan đầu tư vào công ty liên kết	17.227.950.179.156	349.012.481.619	1.158.569.506.600	2.868.472.393.467	4.195.384.822.454	(8.103.462.223.951)	17.695.927.159.345
	-	-	-	-	5.726.656.673	-	5.726.656.673
Tổng tài sản	17.227.950.179.156	349.012.481.619	1.158.569.506.600	2.868.472.393.467	4.201.111.479.127	(8.103.462.223.951)	17.701.653.816.018
Nợ phải trả của bộ phận	6.371.237.891.070	133.439.352.905	646.854.456.560	2.000.500.726.096	2.308.793.051.887	(2.033.095.890.886)	9.427.729.587.632
Tổng nợ phải trả	6.371.237.891.070	133.439.352.905	646.854.456.560	2.000.500.726.096	2.308.793.051.887	(2.033.095.890.886)	9.427.729.587.632
Chi tiêu vốn	397.041.927.966	3.472.745.723	52.282.605.729	66.324.627.627	86.565.348.987	(26.446.441.486)	579.240.814.546
Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và bất động sản đầu tư	(184.690.552.488)	(8.550.966.094)	(29.895.165.584)	(3.924.904.445)	(75.414.740.961)	1.748.545.582	(300.727.783.990)
Khấu hao tài sản cố định vô hình	(920.297.637)	(471.283.824)	(855.684.891)	-	(109.415.292)	148.299.062	(2.208.382.582)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	10.770.572.068	7.290.746.319
Tiền gửi ngân hàng	204.869.058.057	160.931.606.040
Tiền đang chuyển	-	3.045.651.687
Các khoản tương đương tiền	1.170.001.479.167	1.123.225.696.441
	1.385.641.109.292	1.294.493.700.487

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Phải thu ngắn hạn khác gồm:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng	8.433.878.502	8.201.388.502
Lãi vay phải thu	14.278.326.049	6.780.609.597
Vật tư mang đi gia công	2.168.726.702	920.717.401
Thuế giá trị gia tăng chờ được hoàn	15.118.419.085	-
Phải thu khác (*)	278.022.343.879	276.826.305.571
	318.021.694.217	292.729.021.071

(*) Bao gồm trong các khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có 264.000 triệu VND là giá trị nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty con của Tập đoàn từ một cổ đông của công ty con này. Tuy nhiên, cổ đông này chưa thực hiện được việc chuyển giao quyền sở hữu số cổ phần này cho Tập đoàn, và cổ đông này hiện đang liên quan tới một cuộc điều tra pháp luật. Việc chuyển nhượng cổ phần này được xác định là chưa hoàn thành. Do vậy, Ban lãnh đạo Tập đoàn coi khoản tiền đã trả cho cổ đông này là một khoản phải thu và tạm thời trích lập một khoản lập dự phòng phải thu khó đòi trị giá 164.000 triệu VND. Khả năng thu hồi khoản phải thu này và thời gian mà giao dịch chuyển nhượng cổ phần này có thể được coi là hoàn thành phụ thuộc vào kết quả của cuộc điều tra nêu trên và phụ thuộc vào kết quả thương lượng của các bên có liên quan.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Phải thu dài hạn khác gồm:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Khoản ủy thác đầu tư (**)	448.979.590.000	448.979.590.000
Phải thu khác	358.380.844	-
	<hr/>	<hr/>
	449.337.970.844	448.979.590.000
	<hr/>	<hr/>

(**) Khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Tập đoàn đầu tư vào Công ty CP Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel do sự ủy thác của Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Á Châu. Trách nhiệm, rủi ro, tổn thất cũng như mức sinh lời của khoản đầu tư này thuộc về Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Á Châu. Số tiền này tương ứng với số tiền nhận ủy thác đầu tư đang được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 20).

7. Hàng tồn kho

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	712.565.188.600	721.681.193.928
Nguyên vật liệu	1.847.792.727.654	1.440.630.638.196
Công cụ và dụng cụ	330.703.386.390	194.695.141.551
Sản phẩm dở dang	2.937.147.213.479	2.837.866.560.636
Thành phẩm	1.643.755.772.229	1.596.687.095.873
Hàng hóa	75.562.584.414	53.548.434.481
Hàng gửi đi bán	19.811.852	2.887.444.386
	<hr/>	<hr/>
	7.547.546.684.618	6.847.996.509.051
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(52.001.411.460)	(25.919.270.311)
	<hr/>	<hr/>
	7.495.545.273.158	6.822.077.238.740
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 hàng tồn kho có giá trị ghi số là 2.132.236 triệu VND (31/12/2012: 1.726.232 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có 121.964 triệu VND giá trị hàng thành phẩm (31/12/2012: 90.085 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

8. Thuế và các khoản khác phải thu Ngân sách Nhà nước

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	15.150.266.879	14.567.433.831
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp Ngân sách Nhà nước cho khoản ứng trước từ khách hàng mua căn hộ	23.886.005.735	17.348.307.138
Các khoản khác phải thu Ngân sách Nhà nước	871.048.666	497.699.445
	<hr/> 39.907.321.280 <hr/>	<hr/> 32.413.440.414 <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.700.374.671.936	26.709.863.664	4.522.170.700.065	277.416.748.034	3.276.394.568	6.529.948.378.267
Tăng trong kỳ	1.073.601.455	1.168.842.987	18.590.510.756	8.304.744.564	-	29.137.699.762
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	64.381.427.753	550.618.000	76.783.046.901	2.361.130.364	-	144.076.223.018
Thanh lý một công ty con cấp 2	(3.724.343.000)	(27.569.974)	(2.771.362.500)	-	-	(6.523.275.474)
Thanh lý và xóa sổ	(1.843.252.443)	(143.136.456)	(25.661.640.773)	(10.130.040.073)	(70.476.190)	(37.848.545.935)
Phân loại lại (*)	(580.030.319)	(7.149.004.998)	(18.812.352.823)	(549.228.572)	(42.041.790)	(27.132.658.502)
Biến động khác	14.161.000	104.828	1.428.047.243	-	-	1.442.313.071
Số dư cuối kỳ	1.759.696.236.382	21.109.718.051	4.571.726.948.869	277.403.354.317	3.163.876.588	6.633.100.134.207
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	355.159.198.420	16.007.842.508	1.734.039.330.101	125.940.075.411	3.034.336.977	2.234.180.783.417
Khấu hao trong kỳ	63.385.067.579	2.242.209.800	217.988.636.477	16.708.567.899	104.855.130	300.429.336.885
Thanh lý một công ty con cấp 2	(896.173.802)	(3.446.235)	(2.235.497.722)	-	-	(3.135.117.759)
Thanh lý và xóa sổ	(1.341.407.826)	(158.501.000)	(20.703.358.084)	(6.167.344.117)	(70.476.190)	(28.441.087.217)
Phân loại lại (*)	(428.911.125)	(5.330.247.884)	(13.014.504.022)	(282.150.740)	(42.041.790)	(19.097.855.561)
Biến động khác	(32.291.000)	-	15.957.000	16.334.000	-	-
Số dư cuối kỳ	415.845.482.246	12.757.857.189	1.916.090.563.750	136.215.482.453	3.026.674.127	2.483.936.059.765
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.345.215.473.516	10.702.021.156	2.788.131.369.964	151.476.672.623	242.057.591	4.295.767.594.850
Số dư cuối kỳ	1.343.850.754.136	8.351.860.862	2.655.636.385.119	141.187.871.864	137.202.461	4.149.164.074.442

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có các tài sản với nguyên giá 617.003 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 561.513 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.975.074 triệu VND (31/12/2012: 3.068.910 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

(*) Trong kỳ, Công ty phân loại một số tài sản cố định hữu hình với nguyên giá thấp hơn 30 triệu VND sang chi phí trả trước dài hạn và chi phí trả trước ngắn hạn theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	184.285.115.653	2.644.303.901	1.367.576.332	188.296.995.886
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.267.660.800	-	-	1.267.660.800
Tăng trong kỳ	26.000.000.000	-	-	26.000.000.000
Thanh lý và xóa sổ	-	(154.432.120)	-	(154.432.120)
Phân loại lại (*)	-	(156.102.466)	-	(156.102.466)
Số dư cuối kỳ	211.552.776.453	2.333.769.315	1.367.576.332	215.254.122.100
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	19.654.677.272	1.549.200.334	875.783.630	22.079.661.236
Khấu hao trong kỳ	2.146.107.256	270.035.680	119.316.798	2.535.459.734
Thanh lý và xóa sổ	-	(142.432.120)	-	(142.432.120)
Phân loại lại (*)	-	(153.318.713)	-	(153.318.713)
Số dư cuối kỳ	21.800.784.528	1.523.485.181	995.100.428	24.319.370.137
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	164.630.438.381	1.095.103.567	491.792.702	166.217.334.650
Số dư cuối kỳ	189.751.991.925	810.284.134	372.475.904	190.934.751.963

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 515 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (31/12/2012: 68.955 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

(*) Trong kỳ, Công ty phân loại một số tài sản cố định vô hình với nguyên giá thấp hơn 30 triệu VND sang chi phí trả trước dài hạn và chi phí trả trước ngắn hạn theo quy định của Thông tư số 45.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ	2.545.104.717.735	1.354.316.650.072
Tăng trong kỳ	1.957.354.826.862	1.524.586.904.146
Thanh lý một công ty con cấp 1	-	(675.421.490)
Thanh lý một công ty con cấp 2	(104.523.432.005)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(144.076.223.018)	(219.180.090.759)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.267.660.800)	(22.486.759.346)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(58.960.334.604)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(8.287.718.535)	(8.851.100.428)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(334.536.103)
Thanh lý	-	(23.732.892.826)
Biến động khác	(454.633.219)	422.299.073
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	4.243.849.877.020	2.545.104.717.735

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Nhà máy điện - Giai đoạn II	429.494.275.579	404.131.469.719
Nhà máy Coke - Giai đoạn II	731.012.749.103	690.186.392.879
Khu liên hợp gang thép Hòa Phát - Giai đoạn II	2.618.510.928.193	1.061.656.962.228
Mỏ Đức Tiên	-	92.222.081.327
Hệ thống lò nung và nghiền phun than	70.349.263.533	71.084.748.112
Nhà máy Bình Vàng	220.470.977.812	20.431.308.120
Các dự án khác	174.011.682.800	205.391.755.350
	<hr/>	<hr/>
	4.243.849.877.020	2.545.104.717.735

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương với 97.651 triệu VND (30/6/2012: 18.237 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	88.066.912.353
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	21.547.846.268
Khấu hao trong kỳ	2.281.262.885
Số dư cuối kỳ	23.829.109.153
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	66.519.066.085
Số dư cuối kỳ	64.237.803.200

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là đất và nhà xưởng cho thuê tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam và một số tầng cho thuê của tòa nhà tại 257 Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

13. Các khoản đầu tư tài chính

13.1. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	167.413.612.457	219.951.513.600

13.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết (*)	5.775.893.861	5.809.369.255
Các khoản đầu tư dài hạn khác (**)	19.609.128.365	20.409.128.365
	25.385.022.226	26.218.497.620

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(*) Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty CP Đầu tư và Khai thác		
Khoáng sản Yên Phú	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát – SSG	4.275.893.861	4.309.369.255
	5.775.893.861	5.809.369.255

Chi tiết biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ	5.809.369.255	183.056.336.459
Tăng trong kỳ	-	1.500.000.000
Phần lỗ từ các công ty liên kết	(33.475.394)	(541.298.162)
Giảm do thanh lý một công ty liên kết	-	(177.522.561.718)
Giảm khác	-	(683.107.324)
	5.775.893.861	5.809.369.255

(**) Chi tiết khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà (***)	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội (***)	700.000.000	700.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Điện lực		
Hải Dương (****)	1.600.000.000	2.400.000.000
Các khoản đầu tư khác	2.309.128.365	2.309.128.365
	19.609.128.365	20.409.128.365

(***) Đây là các khoản đầu tư vốn dài hạn với tỷ lệ vốn góp thực tế dưới 20%.

(****) Đây là khoản cho vay không được đảm bảo, trong năm chịu lãi suất 1% (2012: 1%) một năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đại tu, sửa chữa lớn VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Chi phí thẩm dò và đánh giá VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí phát hành trái phiếu VND	Chi phí xây và nâng cấp đường lên mỏ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	6.008.458.928	38.347.260.521	2.320.599.767	22.227.718.177	47.389.000.881	59.888.316.321	41.952.428.261	1.175.474.764	58.701.078.187	49.666.350.501	327.676.686.308
Tăng trong kỳ	83.677.988	18.814.400.657	223.322.679	-	8.000.000	-	281.427.010	-	2.774.183.453	7.644.879.967	29.829.891.754
Chuyển từ xây dựng cơ bản	-	4.109.542.996	112.408.838	-	-	-	-	-	-	4.065.766.701	8.287.718.535
Phân loại lại (*)	-	923.650.204	-	-	-	-	-	-	-	574.123.081	1.497.773.285
Xóa sổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(22.531.249)	(22.531.249)
Phân bổ	(3.067.541.176)	(23.494.192.764)	(849.983.337)	(3.627.848.216)	(1.301.962.225)	(2.133.094.446)	(917.020.833)	(1.007.549.798)	(4.651.811.251)	(12.783.361.935)	(53.834.365.981)
trong kỳ	-	1.101.828.431	-	-	-	-	-	-	-	(1.101.828.431)	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.024.595.740	39.802.490.045	1.806.347.947	18.599.869.961	46.095.038.656	57.755.221.875	41.316.834.438	167.924.966	56.823.450.389	48.043.398.635	313.435.172.652

Tại ngày ngày 30 tháng 6 năm 2013, một số chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi số là 39.602 triệu VND (31/12/2012: 40.014 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

(*) Khoản này thể hiện giá trị còn lại của các tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn ghi nhận về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 45. Theo đó, các tài sản này được phân loại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình trong kỳ (Thuyết minh 9 và 10) sang chi phí trả trước dài hạn và chi phí trả trước ngắn hạn, và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại, nhưng không quá 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí phải trả	8.865.550.813	9.110.679.876
Lợi nhuận chưa thực hiện	39.377.723.625	37.933.449.536
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	38.842.402	944.079.110
	<hr/>	<hr/>
	48.282.116.840	47.988.208.522
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

16. Lợi thế thương mại

Giá gốc	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Công ty Cổ Đầu tư Khoáng sản An Thông VND		Công ty Cổ Năng lượng Hòa Phát VND		Công ty Cổ Golden Gain Việt Nam VND		Công ty Cổ Khoáng sản Hòa Phát VND		Công ty Cổ Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội (*) VND		Công ty Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội (*) VND		Công ty TNHH Bao bì Việt (**)		Công ty CP Khoáng sản Đức Long (***) VND		Công ty CP Khoáng sản Hòa Yên (***) VND		Công ty TNHH Đức Trìn (***) VND		Tổng VND		
	350.232.527.609	206.244.396.684	355.059.967.828	34.014.618.203	74.526.572.949	89.496.114.296	29.824.917.043	88.314.041.292	2.783.778.959	5.787.962.619	1.236.284.897.482														
Thanh lý một công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(5.787.962.619)													(5.787.962.619)	
Số dư cuối kỳ	350.232.527.609	206.244.396.684	355.059.967.828	34.014.618.203	74.526.572.949	89.496.114.296	29.824.917.043	88.314.041.292	2.783.778.959	5.787.962.619	1.236.284.897.482													1.230.496.934.863	
Giá trị phân bổ lũy kế																									
Số dư đầu kỳ	125.499.988.264	53.279.802.476	94.613.880.817	5.493.761.115	31.227.656.241	21.225.665.458	18.392.032.184	32.490.816.564	440.765.002	1.543.456.697	384.207.824.818														
Phân bổ trong kỳ	17.511.627.176	10.312.219.835	17.752.998.391	1.700.730.911	3.741.512.338	4.762.202.319	2.982.491.703	4.415.702.064	139.188.148	48.233.022	63.366.905.907														
Thanh lý một công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.591.689.719)														
Biên động khác	-	-	-	-	(1.599.231.341)	1.599.231.341	-	-	-	-	-														
Số dư cuối kỳ	143.011.615.440	63.592.022.311	112.366.879.208	7.194.492.026	33.369.937.238	27.587.099.118	21.374.523.887	36.906.518.628	579.953.150	4.244.505.922	445.983.041.006														
Giá trị ghi số																									
Số dư đầu kỳ	224.732.539.345	152.964.594.208	260.446.087.011	28.520.857.088	43.298.916.708	68.270.448.838	11.432.884.859	55.823.224.728	2.343.013.957	4.244.505.922	852.077.072.664														
Số dư cuối kỳ	207.220.912.169	142.652.374.373	242.693.088.620	26.820.126.177	41.156.635.711	61.909.015.178	8.450.393.156	51.407.522.664	2.203.825.809	-	784.513.893.857														

(*) Đây là các công ty con của Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô Thị Hòa Phát.

(**) Đây là công ty con của Công ty TNHH Thiết bị Phụ Tùng Hòa Phát.

(***) Đây là các công ty con của Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

17. Vay ngắn hạn

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	3.924.949.382.283	4.421.192.510.273
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22)	289.226.106.142	429.056.378.363
	<hr/>	<hr/>
	4.214.175.488.425	4.850.248.888.636
	<hr/>	<hr/>

Trong số dư vay ngắn hạn tại ngày ngày 30 tháng 6 năm 2013 là các khoản vay bằng VND và USD với giá trị tương ứng là 3.331.340 triệu VND và 593.609 triệu VND (31/12/2012: 2.952.060 triệu VND và 1.469.132 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay bằng VND và các khoản vay bằng USD giá trị ghi sổ tương ứng là 2.291.028 triệu VND và 378.370 triệu VND (31/12/2012: 1.651.050 triệu VND và 961.392 triệu VND) được bảo đảm bằng một số hàng tồn kho, các khoản phải thu khách hàng và tài sản cố định của Tập đoàn và một số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“cổ phiếu HPG”) thuộc sở hữu của một số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty. Các khoản vay ngắn hạn còn lại không được bảo đảm.

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất tương ứng từ 5% đến 12,6% (2012: 4% đến 17%) một năm và từ 3% đến 4,5% (2012: 3% đến 7%) một năm.

18. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	153.617.683.423	63.038.488.570
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3.225.586.827	1.944.505.846
Thuế xuất nhập khẩu	2.866.978.658	3.683.487.535
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	148.623.859.640	124.017.842.930
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính trên tiền nhận được từ khách hàng theo tiến độ thanh toán	6.377.569.198	2.897.134.787
Thuế thu nhập cá nhân	668.668.089	911.925.456
Thuế tài nguyên	7.411.149.730	5.347.434.394
Thuế nhà đất	4.068.797.276	4.070.550.435
Các loại thuế khác	8.001.797.300	4.021.367.507
	<hr/>	<hr/>
	334.862.090.141	209.932.737.460
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

19. Chi phí phải trả

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí phải trả cho nhà thầu	19.817.077.183	200.946.259.441
Chi phí lãi vay	46.125.202.372	49.133.268.178
Trích trước chi phí xây dựng Khu công nghiệp Hòa Mạc	15.105.228.663	12.015.766.307
Trích trước chi phí xây dựng Khu công nghiệp Phố Nối A	22.383.303.206	22.383.303.206
Tiền điện	1.389.593.842	7.028.807.646
Phí dịch vụ	512.786.176	181.870.000
Chi phí khuyến mại	21.168.988.572	23.554.892.096
Chi phí bảo lãnh	4.315.906.413	4.112.803.561
Lương và thưởng	408.143.749	2.362.252.166
Phí vận chuyển	1.728.758.873	-
Chi phí phải trả khác	4.993.653.289	11.085.335.732
	137.948.642.338	332.804.558.333

20. Phải trả khác

Phải trả ngắn hạn khác gồm:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện	504.000.000	4.546.262.597
Hàng tạm nhập	16.342.462.274	17.298.357.276
Phải trả Công ty TNHH RHI Retractories Asia-Pacific PTE	17.635.970.033	12.770.664.171
Phải trả Công ty CP Golden Gain Enterprises	7.793.801.009	11.864.540.153
Cổ tức phải trả	1.282.172.950	746.511.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	21.487.398.643	17.647.236.019
Chiết khấu thương mại	9.812.858.880	9.559.659.369
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	3.487.300.511	1.862.326.208
Chi phí lãi vay phải trả	27.760.332.515	12.982.810.722
Tiền nhận được từ khách hàng theo tiến độ thanh toán (*)	2.184.807.391.998	-
Các khoản phải trả khác	23.915.016.220	16.516.404.161
	2.314.828.705.033	105.794.771.676

(*) Đây là khoản tiền nhận được từ các khách hàng, không bao gồm thuế giá trị gia tăng, để mua căn hộ chung cư theo tiến độ thanh toán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Phải trả dài hạn khác gồm:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền nhận được từ khách hàng theo tiến độ thanh toán (*)	-	1.146.772.731.369
Khoản nhận ủy thác đầu tư (**)	448.979.590.000	448.979.590.000
Các khoản phải trả khác	24.542.147.559	24.735.548.102
	473.521.737.559	1.620.487.869.471

(**) Khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Tập đoàn nhận ủy thác đầu tư từ Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát Á Châu để đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel (Thuyết minh 6).

21. Dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Chi phí bảo hành VND
Số dư đầu kỳ	11.211.707.436
Dự phòng lập trong kỳ	2.981.341.874
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(1.682.506.701)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.036.222.953)
	10.474.319.656

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong các giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương ứng.

22. Vay dài hạn

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn (a)	2.191.504.144.750	1.684.764.924.203
Trái phiếu dài hạn (b)	200.000.000.000	200.000.000.000
	2.391.504.144.750	1.884.764.924.203
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 17)	(289.226.106.142)	(429.056.378.363)
	2.102.278.038.608	1.455.708.545.840

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Thả nổi	2020	714.021.685.458	362.063.874.010
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	VND	9,6%	2026	265.993.278.592	271.209.278.592
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	USD	Thả nổi	2014	24.662.119.725	146.432.953.664
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND/ USD	Thả nổi	2015	30.804.161.100	63.297.250.000
Ngân hàng TNHH Indovina Hà Nội	VND/ USD	Thả nổi	2014	84.786.325.070	112.874.304.652
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	VND/ USD	Thả nổi	2013	-	10.069.051.878
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam	VND/ USD	Thả nổi	2016	222.047.014.977	262.419.199.649
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	Thả nổi	2017	549.189.559.828	297.399.011.758
Vay từ một cá nhân	VND	12,6%	2015	300.000.000.000	159.000.000.000
Trái phiếu dài hạn	VND	Thả nổi	2013	200.000.000.000	200.000.000.000
				2.391.504.144.750	1.884.764.924.203

- (a) Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho, tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn. Ngoài ra, các khoản vay dài hạn này còn được đảm bảo bằng một số cổ phiếu HPG, quyền sử dụng đất và một số tài sản đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai của một công ty con, một bất động sản của một thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty, và quyền khai thác mỏ của một công ty con và toàn bộ máy móc thiết bị và nhà xưởng trong tương lai của các mỏ này.
- (b) Sau ngày 30 tháng 6 năm 2013, Trái phiếu dài hạn này đã được hoàn trả toàn bộ trong tháng 7 năm 2013. Trái phiếu được hưởng lãi suất 14,5%/năm cho năm đầu tiên kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2010 và được hưởng lãi suất bằng tổng các mức lãi suất tham khảo (số trung bình của 4 mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau công bố tại các Sở Giao dịch tại Hà Nội của 4 ngân hàng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) tại Ngày Ấn định Lãi suất hàng năm cộng thêm 3,5%/năm cho các năm tiếp theo. Trong trường hợp không có mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau, các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND khác với kỳ hạn tương đương sẽ được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	3.178.497.600.000	2.257.862.350.000	313.613.480.000	(150.970.558.021)	5.594.607.014	269.337.278.874	1.539.869.803.156	7.413.804.561.023
Cổ phiếu quỹ bán trong kỳ	-	(36.890.444.310)	-	112.491.875.803	-	-	-	75.601.431.493
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	530.147.511.897	530.147.511.897
Vốn cổ phần tăng trong kỳ	313.613.480.000	-	(313.613.480.000)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(10.560.000.000)	(10.560.000.000)
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(1.244.000.000)	(1.244.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	444.303.529	-	-	444.303.529
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	3.492.111.080.000	2.220.971.905.690	-	(38.478.682.218)	6.038.910.543	269.337.278.874	2.058.213.315.053	8.008.193.807.942
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	-	-	4.421.231.105	290.114.305.696	1.392.723.430.940	8.085.135.114.809
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	968.528.634.714	968.528.634.714
Kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh	-	-	-	-	(4.882.495.782)	-	-	(4.882.495.782)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(19.618.850.000)	(19.618.850.000)
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	-	(1.194.000.000)	(1.194.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	(1.158.745.396)	32.300.000	1.453.649.150	327.203.754
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	-	-	(1.620.010.073)	290.146.605.696	2.341.892.864.804	9.028.295.607.495

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	419.052.533	4.190.525.330.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	419.052.533	4.190.525.330.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	419.052.533	4.190.525.330.000	419.052.533	4.190.525.330.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10,000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động của số cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	30/6/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND (theo mệnh giá)	Số cổ phiếu	VND (theo mệnh giá)
Số dư đầu kỳ	419.052.533	4.190.525.330.000	313.618.830	3.136.188.300.000
Vốn cổ phần phát hành trong kỳ	-	-	101.202.773	1.012.027.730.000
Cổ phiếu quỹ bán ra	-	-	4.230.930	42.309.300.000
Số dư cuối kỳ	419.052.533	4.190.525.330.000	419.052.533	4.190.525.330.000

25. Quỹ dự phòng tài chính

Hàng năm Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con sẽ trích lập quỹ dự phòng từ lợi nhuận sau thuế (không bao gồm lợi nhuận từ các công ty con và công ty liên kết chuyển về) với mức trích lập không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi Quỹ dự phòng bằng 10% vốn cổ phần của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

26. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần gồm:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	8.351.139.455.129	8.335.021.809.493
▪ Cung cấp dịch vụ	29.873.019.714	20.864.719.633
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	29.373.981.818	41.003.641.600
▪ Doanh thu bán bất động sản	-	353.322.660.000
	<hr/>	<hr/>
	8.410.386.456.661	8.750.212.830.726
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	94.131.818.613	76.011.225.726
▪ Giảm giá hàng bán	83.013.952	161.654.803
▪ Hàng bán bị trả lại	20.769.275.798	49.547.488.716
▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt	11.977.767.397	10.151.308.409
▪ Thuế xuất khẩu	4.260.595.442	14.092.142.024
	<hr/>	<hr/>
	131.222.471.202	149.963.819.678
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	8.279.163.985.459	8.600.249.011.048

27. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Thành phẩm đã bán	5.817.586.780.599	5.927.772.521.100
Hàng hoá đã bán	891.516.896.586	1.208.538.439.946
Dịch vụ đã cung ứng	4.265.634.776	11.862.419.252
Giá vốn của đất cho thuê	11.268.453.556	36.061.513.176
Giá vốn của bất động sản đã bán	-	247.617.632.991
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	27.128.492.995	(61.636.430.420)
	<hr/>	<hr/>
	6.751.766.258.512	7.370.216.096.045
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	50.013.041.557	34.766.798.288
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.385.879.721	19.765.263.733
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.904.791	2.002.915.376
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	5.496.000.000
Lãi thanh lý một công ty con cấp 2 (*)	142.728.081.604	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	107.671.474	206.205.823
	<u>202.258.579.147</u>	<u>62.237.183.220</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 1 năm 2013, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn đã thanh lý phần vốn cổ phần của công ty này trong Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đức Tiên (“Công ty TNHH Đức Tiên”) - công ty con thuộc sở hữu 100% của Công ty này.

Việc thanh lý này đã có ảnh hưởng tới tài sản và công nợ của Tập đoàn tại ngày thanh lý như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm bán Công ty TNHH Đức Tiên VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.803.344.502
Tài sản ngắn hạn khác	7.415.711.034
Tài sản cố định (giá trị còn lại)	3.388.157.715
Xây dựng cơ bản dở dang	104.523.432.005
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	<u>124.130.645.256</u>
Phần sở hữu bởi Tập đoàn trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày thanh lý	124.130.645.256
Giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh trước đó từ việc mua công ty con cấp 2 này tại ngày thanh lý	4.196.272.900
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty con cấp 2 tại ngày thanh lý	<u>128.326.918.156</u>
Tiền thu được từ thanh lý	
Tiền tạm ứng nhận từ bên mua trong năm 2012	145.984.749.740
Tiền nhận được từ bên mua trong kỳ	125.070.250.020
Lãi từ việc thanh lý	<u>142.728.081.604</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

29. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	159.074.925.535	330.121.445.223
Chiết khấu thanh toán	4.739.547.005	5.269.475.259
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.791.152.455	14.572.899.093
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	26.014.995.580	22.563.787.477
Chi phí hoa hồng trả cho một bên thứ ba liên quan đến việc thanh lý một công ty con cấp 2	41.701.000.000	-
Lỗi do thanh lý một công ty con cấp 1 và các công ty liên kết	-	624.159.242
Chi phí tài chính khác	6.638.306.162	3.735.409.402
	267.959.926.737	376.887.175.696

30. Thu nhập khác

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	7.968.335.355	26.366.834.038
Thu nhập từ bán điện, nước và cung cấp dịch vụ	49.115.190.213	38.623.427.521
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	3.670.098.978	1.821.027.818
Thu nhập khác	9.022.466.232	16.676.415.622
	69.776.090.778	83.487.704.999

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

31. Chi phí khác

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý và xóa sổ	9.407.458.718	26.286.579.035
Giá vốn của điện, nước và các dịch vụ cung cấp	57.085.068.698	41.138.814.678
Bồi thường cho đơn vị khác	2.778.337.976	14.210.086.218
Chi phí khác	4.403.279.602	13.241.343.718
	<hr/>	<hr/>
	73.674.144.994	94.876.823.649
	<hr/>	<hr/>

32. Thuế thu nhập

32.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành		
Kỳ hiện hành	156.448.824.177	109.272.687.993
Thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	2.680.708.296	(457.121.195)
	<hr/>	<hr/>
	159.129.532.473	108.815.566.798
	<hr/>	<hr/>
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(242.606.463)	(16.544.843.202)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế TNDN	158.886.926.010	92.270.723.596
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

32.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.171.547.962.711	635.146.304.033
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Lỗ được chia từ các công ty liên kết	(33.475.394)	(324.010.742)
Phân bổ lợi thế thương mại	63.366.905.907	63.652.245.457
Chi phí không được khấu trừ	2.578.192.225	13.478.414.879
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	51.032.526.238	2.676.151.978
	116.944.148.976	79.482.801.572
Lỗ năm trước chuyển sang	(10.742.338.572)	(8.416.367.178)
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.277.749.773.115	706.212.738.427
Chi phí thuế TNDN hiện hành	319.437.443.279	176.553.184.607
Ưu đãi thuế của các công ty con	(101.490.912.523)	(67.325.753.517)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(61.497.706.579)	45.256.903
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	156.448.824.177	109.272.687.993
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	124.017.842.930	168.012.714.066
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa/(thiếu) năm trước	2.680.708.296	(457.121.195)
Thuế TNDN nộp thừa đầu kỳ	(14.567.433.831)	(640.297.831)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(135.106.348.811)	(186.036.231.358)
Giảm khác	-	(10.851.883.220)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	133.473.592.761	79.299.868.455
Trong đó:		
▪ Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	148.623.859.640	93.487.752.449
▪ Thuế TNDN nộp thừa cuối kỳ	(15.150.266.879)	(14.187.883.994)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

32.3 Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các quy định thuế hiện hành.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc hội đã thông qua Luật thuế TNDN được sửa đổi và bổ sung, theo đó Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất tiêu chuẩn là 22% từ năm 2014 và 20% từ năm 2016.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu, dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ, được tính như sau:

33.1. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	419.052.533	313.618.830
Ảnh hưởng trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	19.988.551
Cổ phiếu quỹ bán trong kỳ	-	271.126
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	419.052.533	333.878.507

33.2. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông	968.528.634.714	530.147.511.897
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	419.052.533	333.878.507
	2.311	1.588

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

33.3. Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

Tại ngày 4 tháng 10 năm 2012, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 19/NQH-P-2012 về việc chia cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu cho các cổ đông theo tỉ lệ 5:1. Do vậy, số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	333.878.507	1.588
Điều chỉnh cho ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2012	69.841.425	(275)
Số điều chỉnh lại	403.719.932	1.313

34. Các công cụ tài chính

34.1 Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(b) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

34.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	1.374.871	1.287.203
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	(ii)	171.323	224.661
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	1.061.344	1.264.648
		2.607.538	2.776.512

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(ii) Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại các tổ chức tài chính danh tiếng và các khoản vay cấp cho một số công ty khác. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi và các khoản cho vay và không cho rằng các tổ chức tài chính và các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban giám đốc tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở dưới đây, không cần thiết phải lập thêm dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	30/6/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Chưa quá hạn	948.694	1.067.896
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	106.581	156.396
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	26.833	25.115
Quá hạn trên 180 ngày	4.957	15.241
	1.087.065	1.264.648
	1.087.065	1.264.648

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND
Số dư đầu kỳ	178.589.724.256	13.082.396.194
Tăng dự phòng trong kỳ	1.837.824.083	166.860.274.959
Giảm do thanh lý một công ty con	-	(10.422.876)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(2.544.872.408)	-
Hoàn nhập	(175.472.617)	(1.342.524.021)
	177.707.203.314	178.589.724.256
	177.707.203.314	178.589.724.256

34.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Tại ngày lập báo cáo, các khoản nợ tài chính dài hạn có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Hơn 5 năm Triệu VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2013						
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	2.131.368	2.131.368	2.106.826	24.542	-	-
Các khoản vay	6.316.453	7.230.968	4.928.802	1.396.383	671.819	233.965
	8.447.821	9.362.336	7.035.628	1.420.925	671.819	233.965
Ngày 31 tháng 12 năm 2012						
Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	1.954.685	1.954.685	1.954.685	-	-	-
Các khoản vay	6.305.958	7.019.474	5.226.872	772.634	816.067	203.900
	8.260.643	8.974.159	7.181.557	772.634	816.067	203.900

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn và duy trì hạn mức tín dụng vay từ một số ngân hàng trong nước.

34.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(a) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.646.859	3.673.622
Phải thu khách hàng	574.157	2.380.125
Tài sản tiền tệ khác	223.123	-
Phải trả người bán	(60.693.297)	(43.941.723)
Vay ngắn hạn	(28.107.306)	(65.272.411)
Vay dài hạn	(2.915.653)	(2.370.419)
	<hr/>	<hr/>
	(85.272.117)	(105.530.806)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2013	31/12/2012
USD/VND	21.200	20.855
	<hr/>	<hr/>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận hợp nhất trước thuế của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với
	lợi nhuận hợp nhất
	trước thuế
	VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2013	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	(36.155.377.443)
	<hr/>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
USD (mạnh thêm 4% so với VND)	(88.033.798.365)
	<hr/>

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận hợp nhất trước thuế của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(b) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	1.341.324	1.347.886
Nợ phải trả tài chính	(4.490.943)	(4.851.402)
	<u>(3.149.619)</u>	<u>(3.503.516)</u>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(1.825.511)	(1.454.556)

Nếu lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi thả nổi thay đổi 1% một năm sẽ làm tăng hoặc giảm lợi nhuận hợp nhất trước thuế của Tập đoàn 9.125 triệu VND (31/12/2012: 14.546 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác, đặc biệt là tỷ giá hối đoái, sẽ không thay đổi.

34.5 Giá trị hợp lý

(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.385.641	1.385.641	1.294.494	1.294.494
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.061.344	1.061.344	1.264.648	1.264.648
- Các tài sản tài chính khác	171.323	171.323	224.661	224.661
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(2.131.368)	(2.131.368)	1.932.593	1.932.593
- Các khoản vay	(6.316.453)	(6.319.109)	(6.305.958)	(6.251.522)
	<u>(5.829.513)</u>	<u>(5.832.169)</u>	<u>(1.589.562)</u>	<u>(1.535.126)</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Bù trừ khoản phải trả liên quan đến nhận chuyển nhượng vốn cổ phần của công ty con của một công ty con từ một cổ đông thiểu số với khoản phải thu từ cổ đông này	-	3.600.000.000
Tài sản thuần của một công ty con cấp 1 thanh lý trong năm tại ngày thanh lý:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	717.862.192
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	67.463.205.734
Hàng tồn kho (sau khi trừ dự phòng giảm giá hàng tồn kho)	-	20.112.435.473
Tài sản ngắn hạn khác	-	239.083.685
Tài sản cố định hữu hình - giá trị còn lại	-	14.671.602.826
Tài sản cố định vô hình - giá trị còn lại	-	9.503.981.699
Xây dựng cơ bản dở dang	-	675.421.490
Chi phí trả trước dài hạn	-	607.802.227
Nợ ngắn hạn	-	(33.166.861.590)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Thành viên của Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị		
Lương và thưởng	2.377.038.299	2.744.257.976
Thù lao	1.194.000.000	1.244.000.000

37. Các cam kết

37.1 Chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt và chưa ký kết hợp đồng	47.940.814.963	477.161.062.664
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	790.704.289.268	1.518.235.019.557
	838.645.104.231	1.995.396.082.221

37.2 Hợp đồng thuê

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	1.171.353.156	3.971.941.597
Trong vòng hai đến năm năm	7.775.643.474	10.876.303.724
Sau năm năm	98.496.457.064	58.758.170.924
	107.443.453.694	73.606.416.245

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và kinh doanh	6.020.262.280.353	5.704.999.618.746
Chi phí nhân công	254.995.856.460	215.155.813.772
Chi phí khấu hao	305.246.059.504	302.936.166.571
Chi phí dịch vụ mua ngoài	703.030.533.035	1.079.016.742.504
Chi phí khác	453.998.591.763	1.110.441.803.315

Người lập:



Lý Thị Ngan
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

15 -08- 2013